|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
| Số: 6269/QĐ-UBND | *Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2013* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số*[*63/2010/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số*[*48/2013/NĐ-CP*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=48/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số*[*3511/QĐ-UBND*](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=3511/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1)*ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Bộ Tư pháp; - Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp); - Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố; - Đoàn ĐBQH Thành phố; - Chủ tịch, các PCT UBND TP; - CVP/PVP UBND TP; - TH, VX, HCTC; - Cổng thông tin điện tử Thành phố; - Công báo; - Lưu: VT, NC (2b). | **CHỦ TỊCH     Nguyễn Thế Thảo** |

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6269/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** | **Cơ quanquyết định** |
| 01 | Công nhận trường mầm non và phổ thông đạt chất lượng cao | Giáo dục và đào tạo | Sở GD&ĐT | Chủ tịch UBNDThành phố Hà Nội |
| 02 | Thu hồi Quyết định công nhận trường mầm non và phổ thông đạt tiêu chí chất lượng cao | Giáo dục và đào tạo | Sở GD&ĐT | Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội |
| 03 | Phê duyệt chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao cấp học mầm non và phổ thông | Giáo dục và đào tạo | Các phòng GD Mầm non, GD Tiểu học, GD Trung học | Giám đốc Sở GD&ĐT |

**PHẦN II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 1: Công nhận trường mầm non và phổ thông đạt tiêu chí chất lượng cao** | |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận trường Mầm non hoặc phổ thông đạt tiêu chí chất lượng cao.  **Bước 2:** Cán bộ một cửa kiểm tra, tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả;  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện.  - Trường hợp hồ sơ không thuộc quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.  **Bước 3:** Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng chức năng của Sở để giải quyết theo quy định.  **Bước 4:** Phòng chức năng kiểm tra hồ sơ, tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn ra bộ phận một cửa.  Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng chức năng phải kịp thời thông tin đến bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho đơn vị biết.  **Bước 5:** Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả theo phiếu hẹn. |
| **Cách thức thực hiện** | **Cách 1:** Đại diện hợp pháp của đơn vị nộp hồ sơ tại bộ phân tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa) Sở GD&ĐT Hà Nội.  **Cách 2:** Đơn vị có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện (nếu hồ sơ hợp lệ, thời hạn giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ theo dấu bưu điện)  **Nơi tiếp nhận:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở GD&ĐT Hà Nội.  **Địa chỉ:** Số 23a Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; |
| **Thành phần hồ sơ** | - Tờ trình đề nghị công nhận trường mầm non hoặc phổ thông đạt tiêu chí chất lượng cao. (Nếu trường THCS, Tiểu học, Mầm non thì UBND quận, huyện trình. Nếu là trường THPT thì do Hiệu trưởng trình).  - Đề án: Đảm bảo nội dung, tiêu chí theo Quyết định số[20/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) của Thành phố, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.  - Biên bản tự kiểm định, đánh giá trường đạt tiêu chí chất lượng cao của đơn vị do Hiệu trưởng ký.  - Biên bản kiểm định, đánh giá trường đạt tiêu chí chất lượng cao đối với các trường THCS, Tiểu học, Mầm non do UBND quận, huyện ký gửi Sở GD&ĐT. Biên bản của các trường THPT do hiệu trưởng ký trình gửi Sở GD&ĐT.  - Sở GD&ĐT sẽ có biên bản kiểm tra, thẩm định đối với tất cả các trường chất lượng cao thuộc các cấp học trên địa bàn thành phố Hà Nội. |
| **Số lượng** | 01 bộ chính. |
| **Thời hạn giải quyết** | 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **Đối tượng thực hiện TTHC** | Cá nhân, Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện TTHC** | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GD&ĐT HN  - Cơ quan phối hợp: Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch Đầu tư, Văn phòngUBNDTP. |
| **Kết quảthực hiệnTTHC** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Chưa có quy định |
| **Tên mẫu tờ khai** | - Tờ trình, đề nghị công nhận trường đạt tiêu chí chất lượng cao ***(Biểu mẫu 1).***  - Biên bản tự kiểm định đánh giá trường đạt tiêu chí chất lượng cao; ***(Biểu mẫu 1a,1b, 1c)***  - Biên bản của Sở GD&ĐT kiểm định đánh giá trường đạt tiêu chí chất lượng cao;***(Biểu mẫu 1d, 1đ, 1e)*** |
| **Yêu cầu, điều kiện** | - Trường phải hoạt động trên nguyên tắc phi lợi nhuận và tuân thủ những tiêu chí về cam kết chất lượng theo những quy định tại Quyết định[20/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) của UBND Thành phố và Nghị quyết 15/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố. |
| **Căn cứ pháp lý** | - Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;  - Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;  - Nghị định số [63/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;  - Nghị định số [75/2006/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;  - Quyết định số [07/2007/QĐ-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2007/Q%C4%90-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;  - Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về CSVC, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;  - Quyết định số [21/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 2: Thu hồi Quyết định công nhận trường mầm non và phổ thông đạt tiêu chí chất lượng cao** | |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Bộ phận một cửa tiếp nhận văn bản đề nghị thu hồi Quyết định công nhận trường chất lượng cao của cơ quan có thẩm quyền đối với các đơn vị trường có vấn đề vi phạm pháp luật hoặc vi phạm về cam kết chất lượng;  **Bước 2:** Bộ phận một cửa kiểm tra vào sổ và chuyển hồ sơ, văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền đến Thanh tra Sở GD&ĐT;  **Bước 3:** Sở GD&ĐT tiến hành thẩm định, lấy ý kiến của các Sở ngành có liên quan;  **Bước 4:** Sở GD&ĐT tổng hợp ý kiến, trình UBND Thành phố xem xét;  **Bước 5:** UBND Thành phố ra Quyết định thu hồi Quyết định công nhận trường chất lượng cao đối với trường mầm non hoặc trường phổ thông khi đơn vị vi phạm pháp luật hoặc không còn đủ khả năng thực hiện các cam kết về tiêu chí chất lượng cao. |
| **Cách thứcthực hiện** | **Cách 1:** Tổ chức, cá nhân nộp văn bản đề nghị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa) Sở GD&ĐT Hà Nội.  **Cách 2:** Tổ chức, cá nhân nộp văn bản đề nghị qua đường bưu điện (nếu hồ sơ hợp lệ, thời hạn giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ theo dấu bưu điện)  **Nơi tiếp nhận:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở GD&ĐT Hà Nội.  **Địa chỉ:** số 23a Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; |
| **Thành phần hồ sơ** | - Văn bản đề nghị thu hồi quyết định công nhận trường chất lượng cao của cơ quan có thẩm quyền;  - Các chứng cứ, số liệu kèm theo. (nếu có). |
| **Số lượng** | 01 bộ chính. |
| **Thời hạn giải quyết** | 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **Đối tượng thực hiện TTHC** | Cá nhân, tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện TTHC** | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố.  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GD&ĐT HN  - Cơ quan phối hợp: Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch Đầu tư, Văn phòngUBNDTP. |
| **Kết quả thực hiện TTHC** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Chưa có quy định |
| **Tên mẫu tờ khai** | - Văn bản đề nghị thu hồi QĐ trường đạt tiêu chí chất lượng cao;  - Bản tự kiểm điểm, đánh giá mức độ vi phạm của trường; |
| **Yêu cầu,  điều kiện** | - Trường bị thu hồi Quyết định, phải thu hồi ngay biển hiệu chất lượng cao.  - Trường tổ chức giảng dạy và hoạt động như những trường bình thường khác. |
| **Căn cứ pháp lý** | - Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;  - Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;  - Nghị định số [75/2006/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết vàHướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;  - Nghị định số [63/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ tục 3: Phê duyệt chương trình giảng dạy bổ sung nâng cao đối với các trường Mầm non và phổ thông đạt chất lượng cao** | |
| **Trình tự thực hiện** | **1. Trình tự thực hiện:**  **Bước 1.** Sở GD&ĐT Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình bổ sung nâng cao đối với các trường chất lượng cao;  **Bước 2.** Phòng chuyên môn chủ trì kiểm tra, trình Giám đốc Sở xem xét;  **Bước 3.** Hội đồng cấp ngành tiến hành thẩm định chương trình bổ sung nâng cao theo cấp học;  **Bước 4.** Giám đốc Sở ra Quyết định phê duyệt chương trình bổ sung nâng cao đối với trường mầm non hoặc trường phổ thông chất lượng cao; |
| **Cách thức thực hiện** | Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính - Sở GD&ĐT Hà Nội - (Số 23a Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). |
| **Thành phần hồ sơ** | - Quyết định trường đạt tiêu chí chất lượng cao của UBND Thành phố;  - Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt chương trình; (của Trưởng phòng GD&ĐT quận, huyện hoặc Hiệu trưởng trường THPT;  - Bộ chương trình giảng dạy nâng cao theo cấp học;  - Bản thuyết minh về tính khả thi của chương trình;  - Biên bản kiểm định của Hội đồng cấp cơ sở; |
| **Số lượng** | 01 (bộ) chính và 07 bộ photo. |
| **Thời hạn giải quyết** | 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **Đối tượngthực hiện TTHC** | Tổ chức |
| **Cơ quanthực hiệnTTHC** | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng chuyên môn theo cấp học thuộc Sở;  - Cơ quan phối hợp: Các Vụ chuyên môn thuộc Bộ và các phòng ban thuộc Sở |
| **Kết quả thực hiện TTHC** | Quyết định hành chính |
| **Lệ phí** | Không |
| **Tên mẫu tờ khai** | - Tờ trình đề nghị phê duyệt chương trình giảng dạy nâng cao để áp dụng đối với trường chất lượng cao. ***(Biểu mẫu 3a)***  - Biên bản thẩm định chương trình giảng dạy nâng cao của Hội đồng cấp cơ sở (Đối với chương trình cấp học mầm non, tiểu học, THCS do huyện ký gửi Sở. Đối với chương trình cấp THPT do Hiệu trưởng ký trình Sở.) ***(Biểu mẫu 3b)***  - Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có biên bản thẩm định đối với tất cả các chương trình của các đơn vị thuộc các cấp học đề nghị phê duyệt. |
| **Yêu cầu, điều kiện** | Trường phải hoạt động trên nguyên tắc phi lợi nhuận và tuân thủ những tiêu chí về cam kết chất lượng theo những quy định tại Quyết định [21/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) của UBND Thành phố và Nghị quyết 15/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố. |
| **Căn cứ pháp lý** | - Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;  - Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;  - Nghị định số [75/2006/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;  - Nghị định số [63/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=63/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;  - Quyết định số [07/2007/QĐ-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2007/Q%C4%90-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc: Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;  - Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về CSVC, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ chất lượng, cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;  - Quyết định số [21/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sởgiáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao. |

**Biểu mẫu 1: Dùng cho thủ tục 1** *(chung các cấp học mầm non, tiểu học, trung học)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
| Số:  ……….. | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 20* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị kiểm tra công nhận trường ……………… đạt tiêu chí chất lượng cao**

**Kính gửi:** Sở GD&ĐT Hà Nội.

Căn cứ Luật Thủ đô đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013;

Căn cứ Thông tư số……ngày... tháng ...năm... của Bộ GD&ĐT về quy chế công nhận trường (theo cấp học) đạt chuẩn quốc gia; Thông tư số .... Ngày... tháng... năm... của Bộ GD&ĐT về quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên (theo cấp học);

Căn cứ Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định cụ thể về tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Đoàn kiểm tra quận, huyện………đã tiến hành kiểm tra các tiêu chí quy định tại Quyết định[20/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày……. của UBND Thành phố đối với trường …………….. *(có biên bản kiểm tra, thẩm định kèm theo).*

Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định, Đoàn kiểm tra của UBND quận, huyện …......nhất trí kết luận: Trường…………………đã đạt 05 tiêu chí quy định về trường chất lượng cao.

UBND quận, huyện…………………………kính đề nghị Sở GD&ĐT Hà Nội, Hội đồng xét đề nghị công nhận trường chất lượng cao của Thành phố kiểm tra, thẩm định để trình UBND Thành phốra quyết định công nhận trường……………….đạt tiêu chí chất lượng cao.

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Văn phòng Sở; - Phòng chuyên môn theo cấp học; - Phòng GD&ĐT quận, huyện; - Lưu VT-VP. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** |

**Biểu mẫu 1a: Dùng cho thủ tục 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 20* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra thẩm định trường trung học đạt tiêu chí chất lượng cao**

Thực hiện quyết định số:……./QĐ-UBND ngày….tháng.... năm…..của UBND quận (huyện, thị xã)………………….. về việc thành lập đoàn kiểm tra thẩm định trường trung học đạt tiêu chí chất lượng cao năm 20....

Căn cứ Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi……giờ……..ngày……tháng……năm 20....

Tại:……………………………………………………………

Đoàn kiểm tra, thẩm định trường trung học đạt tiêu chí chất lượng cao được thành lập theo Quyết định số    /QĐ-UBND ngày   tháng   năm   của Ủy ban nhân dân quận, huyện......đã tiến hành kiểm tra thẩm định trường trung học:………………đạt tiêu chí chất lượng cao

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông (bà) …………………………………

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) …………………………….

3. Các ủy viên:………….

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

**\* Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

1. Ông, bà ………………………..

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

**A. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**I. Tiêu chí 1 - CƠ SỞ VẬT CHẤT**

1. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường sư phạm:

- Diện tích trường: ………..m2     Đạt: ……………m2/1 HS

- Diện tích sân chơi: ………m2    Đạt: ……………m2/1 HS

- Cảnh quan nhà trường:

…………………………………………………………………

…………………………………………………………………

- Môi trường sư phạm: ………………………………………………

2. Phòng học:

- Số lớp học ………. Số phòng học: ... Số học sinh: …………Tỷ lệ HS/lớp:

- Diện tích phòng học: ……….m2 Đạt: ……………m2/1 học sinh

- Bố trí ánh sáng phòng học: …………………………………………..

- Nhiệt độ: ………………………………………………………………..

- Các trang thiết bị khác trong phòng học: …………………………..

…………………………………………………………………………….

3. Phòng chức năng, phòng bộ môn, khu giáo dục thể chất:

- Số phòng học thực hành bộ môn: Lý, Hóa, Sinh: ……….. Diện tích ………m2

- Số bàn ghế trong mỗi phòng thực hành: ……….. Đủ các trang thiết bị, vật dụng: ……….

Hiệu quả hoạt động của các phòng thực hành: ………..; Số phòng bộ môn: ………… của các môn:…………………….

Hoạt động của phòng bộ môn ……………………………………

- Số phòng thí nghiệm, ĐDDH ……………………. Diện tích: …………………..

Đủ trang thiết bị, đồ dùng: ………. Bố trí khoa học, an toàn, vệ sinh: ………..

- Phòng học Tin học có………máy, hoạt động ..............................

- Diện tích phòng học ngoại ngữ ……..m2, Có trang thiết bị: …………..

- Diện tích khu giáo dục, nhà thể chất: ……...m2 Đạt: ………….m2/1 HS

- Có đủ các dụng cụ tập luyện: …………………………………………………

4. Thư viện:

- Diện tích thư viện: …….m2 Phòng đọc cho HS: …….m2, cho GV: ……..m2

- Hoạt động của thư viện: ………………………………………

- Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu: ………………………

- Thư viện đạt tiêu chuẩn: ……………………………………….

5. Trang thiết bị và đồ dùng dạy học:

- Đủ trang thiết bị văn phòng: …….Số máy tính…….., máy photocopy:…………..

- Số máy projecter:…….. Số lớp học có máy projecter:………………

- Số lớp học có tivi LCD: …………

- Số lớp học được trang bị bảng tương tác thông minh:………..

- Bàn, ghế học sinh đồng bộ, đạt tiêu chuẩn: ……số lượng/lớp: …………..

- Có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học: ………….

- Hiệu quả sử dụng: …………………

6. Hệ thống công nghệ thông tin và hiệu quả hoạt động:

- Có kết nối Internet: ……………. Có Website thông tin: ……………

- Ứng dụng thông tin trong quản lý và dạy-học:

- Hiệu quả hoạt động: ………………

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 1): …………………………………..

II. Tiêu chí 2 - **ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN**

1. Số lượng giáo viên:

- Tổng số giáo viên toàn trường: ……… đạt tỷ lệ quy định: ……..GV/Iớp.

- Hiện còn thiếu giáo viên các môn học: ……………..

- Số GV dạy chéo môn: …………….. trong các môn học: ………………

- Số giáo viên giảng dạy chương trình nâng cao: ………

Trình độ: đại học ……. thạc sỹ: …… tiến sỹ: …….

2. Trình độ giáo viên:

- Tỷ lệ đạt chuẩn………….%, tỷ lệ trên chuẩn:…………. %

- Giáo viên có kinh nghiệm ứng dụng CNTT: tỷ lệ: …………. %

- Giáo viên có trình độ tin học B: tỷ lệ: ……… %; Trình độ tin học A: tỷ lệ: ……. %;

- Giáo viên có khả năng giao tiếp một Ngoại ngữ: tỷ lệ: ……… %

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV Trung học: loại xuất sắc: ……… %; loại khá: …….. %.

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: tỷ lệ: ………. %; cấp Thành phố: tỷ lệ: …….. %

- Số SKKN hàng năm: ……..; SKKN xếp loại cấp trường, Quận: ……… cấp TP: …….

3. Nhân viên, viên chức

- Số kế toán………., thủ quỹ…….., thư viện……., văn thư……, y tế……., nhân viên…….

- Trình độ đào tạo: Trung cấp:……….; Cao đẳng, Đại học: …………

- Viên chức làm công tác thiết bị dạy học có: …….; trình độ đào tạo: CĐ:…….; ĐH:…….

4. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

- Đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: loại xuất sắc: ………………. %;

- Trình độ đào tạo cán bộ quản lý: thạc sỹ đạt tỷ lệ:……….%; trên chuẩn đạt tỷ lệ:……. %

5. Đội ngũ chuyên gia và giáo viên dạy song ngữ:

- Số chuyên gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn: trong nước: ………; ngoài nước: ………..; Thời lượng làm việc: ……………….

- Giáo viên dạy được song ngữ: môn: ………; số lượng………., đạt tỷ lệ: ………. %

- Tham gia các chương trình đào tạo bồi dưỡng, tham quan học tập trong hoặc ngoài nước: số lần/1 năm: ……. Số người tham gia; ……. địa điểm: ……………………. ; Hiệu quả: ………

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 2): …………….

III. Tiêu chí 3 - **CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY**

1. Chương trình dạy học nâng cao:

- Số môn có chương trình nâng cao: …………………

- Số tiết nâng cao/1 môn ………………. Số HS học chương trình nâng cao:

- Hiệu quả: …………………………………

2. Chương trình dạy tiếng Anh nghe, nói với người nước ngoài:

- Số lớp: ………….; Số tiết học/1 lớp: …………..

- Số học sinh tham gia: …………; Số giáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy:

- Hiệu quả: …………………………………………….

3. Lớp song ngữ:

- Số lớp: ……….; các môn học song ngữ…………….; số tiết học/1 lớp:

- Hiệu quả:

………………………………………………………………………………….

4. Giao lưu HS với các trường trong và ngoài nước: ….lần/1 năm học, số HS tham gia: ..…

Hiệu quả: …………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………..

5. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, nghệ thuật, kỹ năng sống: …….hoạt động/1 năm học.

- Hiệu quả: …………………………………………………………………………………………

6. Học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề:

- Số lần tiếp cận thực tế và số chuyên đề được tổ chức/1 năm học: ....

- Số HS tham gia…….

- Số lần làm việc trong phòng thí nghiệm thực hành/1 lớp/ 1 năm học: …………..

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 3): ………………….

IV. Tiêu chí 4 - **PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY**

1. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

2. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp dạy học mở:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

3. Tiết dạy đổi mới PPDH theo hướng dẫn của Bộ và Sở Giáo dục: đạt tỷ lệ:……… %

4. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp đặc thù:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

5. Đánh giá chung về việc đổi mới cách kiểm tra đánh giá học sinh:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

6. Đánh giá chung về thiết kế bài giảng của giáo viên:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

7. Đánh giá chung về việc giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 4): …………………….

IV. Tiêu chí 5 - **CÁC DỊCH VỤ TRONG GIÁO DỤC**

1. Tổ chức đưa đón học sinh: .............................

2. Tổ chức học bán trú cho HS: ………………. Điều kiện lớp bán trú: ……………

……………………………………………………………………………………………………..

3. Đánh giá của HS qua các lần đi tiếp cận thực tế, học tập chuyên đề và làm quen với phòng thí nghiệm thực hành:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

4. Chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

- Học sinh giỏi cấp thành phố: …….tỷ lệ:………%; cấp Quốc gia:……..tỷ lệ……%

- Học lực: tỷ lệ……… % khá, giỏi, HS yếu, kém: tỷ lệ……….. %

- Hạnh kiểm: tỷ lệ………. % xếp loại khá, tốt; HS bỏ học và lưu ban:…….. %

- HS đỗ tốt nghiệp trong tổng số HS tham dự kỳ thi: tỷ lệ……… %

- HS được tham gia các chương trình học kỹ năng sống, hoạt động XH: tỷ lệ…. %

- Kết quả giáo dục hướng nghiệp, nghề đạt: …………. % khá, giỏi.

- Mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh: tỷ lệ ……….. %

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 5): ………………..

**B. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

I. Căn cứ vào kết quả kiểm tra của từng tiêu chí, Đoàn kiểm tra kết luận như sau:

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

II. Kết luận chung:

Nhà trường đạt: ………………...; chưa đạt:………….các tiêu chí trường trung học chất lượng cao.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN**    **CHỦ TỊCH UBND quận, Nguyễn Văn A** | **THƯ KÝ** |

**Biểu mẫu 1b: Dùng cho thủ tục 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 20* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra, thẩm định trường tiểu học đạt tiêu chí chất lượng cao**

Căn cứ Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi…….giờ…..ngày…….tháng…….năm 20....

Tại: ..............................................................................

Đoàn kiểm tra, thẩm định trường tiểu học đạt tiêu chí chất lượng cao được thành lập theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày   tháng   năm   của Ủy ban nhân dân quận, huyện....đã tiến hành kiểm tra thẩm định trường tiểu học:……………..đạt tiêu chí chất lượng cao

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông (bà) ……………………………………….

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) ……………………………………

3. Các ủy viên: ……………….

**\* Đai diện đơn vị được kiểm tra:**

1. Ông, bà ………………………………………………………….

**A. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**I. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ:**

a. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường sư phạm:

- Diện tích trường: ……..m2        Đạt: …….m2/1 HS

- Diện tích sân chơi: ……m2       Đạt: …….m2/1 HS

- Cảnh quan nhà trường: ………………………………

- Môi trường sư phạm: …………………………….

b. Nhà đa năng:

- Diện tích nhà đa năng: ………m2 Đạt: ………m2/1 HS

- Có đủ các dụng cụ tập luyện: …………………….

c. Phương tiện, thiết bị giáo dục:

- Có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học: ……………………

- Nhà trường có máy tính, máy photocopy: ……………………

- Nhà trường có phòng lưu trữ hồ sơ tài liệu chung: ……………………

- Số bộ bàn ghế cho học sinh:.., trong đó loại bàn HS có 2 chỗ ngồi: ……………………

- Số lớp có đủ bàn, ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng đúng quy cách: ……………..

- Số bảng chống lóa: ………………….

d. Phòng học:

- Số lớp học: ……….. Số phòng học: ……… Số học sinh: ………. Tỷ lệ HS/lớp: ......

- Diện tích phòng học:…..m2 Đạt: ……..m2/1 học sinh

- Đảm bảo về ánh sáng, nhiệt độ: …………….

- Phòng học có trang bị tủ đựng hồ sơ, ĐDDH: ………

đ. Thư viện:

- Diện tích thư viện: ……..m2 Phòng đọc cho HS: …….m2 , cho GV: ……..m2

- Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu: ……………..

- Thư viện đạt tiêu chuẩn: ………………….

e. Công nghệ thông tin:

- Có kết nối Internet: ………………

- Có Website thông tin: ………………

- Ứng dụng thông tin trong quản lý và dạy - học: ………………

g. Phòng học ngoại ngữ, tin học:

- Diện tích phòng học ngoại ngữ……..m2 Có trang thiết bị: ………..

- Diện tích phòng tin học……….m2 Số máy tính: ………..;

h. An ninh, an toàn thực phẩm:

- Trường đảm bảo an ninh, phòng chống cháy nổ:……….

- Bếp ăn đúng quy định, trang thiết bị đầy đủ: ………..

- Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm: ………….

- Trường đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, có nguồn nước sạch:……….

***\* Đánh giá tiêu chuẩn 1:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt** |  | **Chưa đạt** |

**II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN:**

a. Số lượng và trình độ đào tạo:

- Tổng số giáo viên: ……Số GV đạt trên chuẩn: ……..

- Số GV có chứng chỉ A tiếng Anh:……. Tỷ lệ: ……..

- Số GV có chứng chỉ B tiếng Anh:…… Tỷ lệ:………

- Số GV biết ứng dụng CNTT:…….. Tỷ lệ:………

- Số GV tự làm và sử dụng ĐDDH hiệu quả:…… Tỷ lệ:…….

- Đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên:

+ Xếp loại Xuất sắc:……. Tỷ lệ:…..

+ Xếp loại Khá: ....... Tỷ lệ:…..

- Số GV dạy giỏi cấp trường:…… Tỷ lệ: ……..

- Số GV dạy giỏi cấp quận (huyện, thị xã) trở lên: ……. Tỷ lệ:……..

- Số SKKN được xếp loại cấp quận (huyện, thị xã) hoặc TP:.......; Tỷ lệ:……..

b. Số lượng nhân viên:

- Kế toán:…… Văn thư: ……. Y tế: …… Thiết bị dạy học:…….. Thư viện:……và nhân viên khác:…………..

- Trình độ đào tạo: …………………………………………………….

- Số hoàn thành nhiệm vụ được giao:……… Tỷ lệ:………

c. Số chuyên gia trong nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn:……..

- Số chuyên gia ngoài nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn:…….

- Có tổ chức tham quan, giao lưu học tập ở trong hoặc ngoài nước:....

***\* Đánh giá tiêu chuẩn 2:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt** |  | **Chưa đạt** |

**III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

*a. Chương trình giáo dục bổ sung:*

- Có bổ sung cho các môn học: ……………………..

- Có bổ sung cho các hoạt động giáo dục: ………….

b. Hoạt động hỗ trợ giáo dục:

- Tổ chức câu lạc bộ các môn năng khiếu: ……………..

- Tổ chức hoạt động tập thể, GD kỹ năng sống: ………..

c. Có chương trình dạy tăng cường tiếng Anh nghe, nói với người nước ngoài:……..

d. Có lớp song ngữ môn Toán và Khoa học cho HS lớp 4, 5:…….

đ. Hàng năm có cho HS tham quan, giao lưu với các trường trong và ngoài nước:……

e. Số lần tư vấn tâm lý, sức khỏe:……./năm

***\* Đánh giá tiêu chuẩn 3:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt** |  | **Chưa đạt** |

**IV. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY:**

a. - Tiếp cận mô hình trường học mới:……………..

- Đổi mới phương pháp dạy học: ……………

b. Số CBQL và GV có kiến thức, kĩ năng thực hiện đổi mới PPDH và dạy phân hóa HS: ….. Tỷ lệ:…..

c. GV chú trọng bồi dưỡng PP tự học, tư duy khoa học: …………..

d. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá: ……………….

***\* Đánh giá tiêu chuẩn 4:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt** |  | **Chưa đạt** |

**V. CÁC DỊCH VỤ GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG CAO:**

a. Có các dịch vụ:

- Tổ chức bán trú cho HS: ……………………………

- Tổ chức đưa, đón HS: ………………………

- Tổ chức trông giữ HS đáp ứng nhu cầu của phụ huynh:………….

b. - Phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS:

……………………………………………………………………………………………

- Phối hợp có hiệu quả giữa GV với cha mẹ HS để nâng cao chất lượng GD:

……………………………………………………………………………………………

- Có hệ thống thông tin hai chiều trực tuyến: ………………………

……………………………………………………………………………………………

c. Chủ động tham mưu với chính quyền và phối hợp các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động các nguồn lực về kinh tế, vật chất để xây dựng trường và môi trường GD: ……….

……………………………………………………………………………………………

d. Chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng:

- Đảm bảo chất lượng GD toàn diện cho HS, chú trọng phát huy năng lực cá nhân:

……………………………………………………………………………………………

- Số HS tham gia: HĐ ngoại khóa:…….. Tỷ lệ:……, GD kĩ năng sống: ….. Tỷ lệ: …

Các môn năng khiếu (GD thể chất, GD nghệ thuật): …… Tỷ lệ: ......

- Số HS xếp loại hạnh kiểm Thực hiện đầy đủ: …… Tỷ lệ: ……….

- Số HS: xếp loại GD đạt loại giỏi: …….. Tỷ lệ…………Xếp loại GD đạt trung bình:…..; Tỷ lệ: ...... Số HS bỏ học: …… Tỷ lệ: ……..

- Có HS đạt thành tích trong các kỳ giao lưu olympic cấp quận (huyện, thị xã), thành phố trở lên:……..

- Số HS được khám, kiểm tra sức khỏe định kì 6 tháng/lần:……; Tỷ lệ: ……..

- Số HS được tiêm chủng phòng bệnh:……. Tỷ lệ: ……

- Kết quả đánh giá hàng năm của các ban, ngành liên quan được xếp loại:……...

- Trắc nghiệm mức độ tín nhiệm của HS về điều kiện học tập, chất lượng dạy-học hàng năm xếp loại Tốt đạt tỷ lệ:……….

- Trắc nghiệm mức độ tín nhiệm của cha mẹ HS về điều kiện học tập, chất lượng dạy-học hàng năm xếp loại Tốt đạt tỷ lệ:……….

***\* Đánh giá tiêu chuẩn 5:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đạt** |  | **Chưa đạt** |

**B. KẾT LUẬN:** Nhà trường **chưa đạt** □/ **đạt** □ các tiêu chí trường tiểu học chất lượng cao.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN**    **CHỦ TỊCH UBND quận, Nguyễn Văn A** | **THƯ KÝ** |

**Biểu mẫu 1c: *Dùng cho thủ tục 1.***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 20…* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra, thẩm định trường mầm non đạt tiêu chí chất lượng cao**

Căn cứ Quyết định số [20/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=20/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi … giờ … ngày …. tháng ……. năm 20 …

Tại: ……………………………………………………….

Đoàn kiểm tra, thẩm định trường tiểu học đạt tiêu chí chất lượng cao được thành lập theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày   tháng   năm   của Ủy ban nhân dân quận, huyện .... đã tiến hành kiểm tra thẩm định trường tiểu học: …….. đạt tiêu chí chất lượng cao.

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông (bà) ………………………………….

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) ……………………………….

3. Các ủy viên: ……………………………………………….

**\* Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

1. Ông, bà………………..

**A. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**I. Kiểm tra tiêu chí cơ sở vật chất**

*- Tổng số điểm trường:* ………………………………………..

- Chất lượng các công trình xây dựng của nhà trường: Kiên cố ……….; Bán kiên cố …………..Cấp 4 ……………

*- Định mức trẻ trên lớp:*

+ Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi: ………………………

+ Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi: ………………………

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: …………………………..

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: .....................................

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: …………………………..

*- Môi trường sư phạm xanh sạch đẹp:*……………………..

+ Khu vui chơi thiên nhiên cho trẻ hoạt động:…………….

+ Sân chơi giao thông cho trẻ hoạt động: ……………..

*- Phòng nhóm, lớp:*

+ Điều kiện tiêu chuẩn ánh sáng học đường, không khí, nhiệt độ:……………….

+ Công trình vệ sinh, thiết bị vệ sinh theo lứa tuổi.....................

*- Trang thiết bị phòng nhóm, lớp:*

+ Thiết bị theo danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non do Bộ GD & ĐT ban hành (đủ, thiếu):…….....

+ Tính thẩm mỹ, hiện đại của trang thiết bị:………

*- Phòng chức năng:*

+ Phòng hội trường, phòng máy tính, phòng tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh, phòng thư viện, các phòng, khu vực khác (đủ, thiếu):………..

+ Trang thiết bị phòng chức năng: (đủ, thiếu, đồng bộ, hiện đại):………...............................

+ Trang thiết bị nhà bếp: (đủ, thiếu, hiện đại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm):………….

……………………………………………………………………………………………………………

- Các phương tiện đảm bảo an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy: (đủ, thiếu, bố trí phù hợp)………………………….

**II. Tiêu chí đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

*- Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng theo Chuẩn Hiệu trưởng:*

*- Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý:*

+ Chứng chỉ QLGD:…………; QLHCNN:……………..; LLCT:……..

+ Năng lực tổ chức quản lý, chỉ đạo, tính dân chủ, đổi mới, sáng tạo của cán bộ quản lý: ……………………………………….

+ Khả năng ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy: …………………..

*- Giáo viên:*

+ Trình độ chuyên môn trên chuẩn: ………; Chứng chỉ tiếng Anh:…………Khả năng ứng dụng CNTT ……..; Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN: ………..

*- Giáo viên dạy chuyên biệt các hoạt động:* Tạo hình, âm nhạc, thể chất:………………..

*- Bồi dưỡng hàng năm cho giáo viên* về kiến thức mới, phương pháp giáo dục, tham quan học tập các điển hình tiên tiến trong nước, quốc tế: ……………….

*- Nhân viên nuôi dưỡng đạt trình độ trung cấp nghề nấu ăn* (số lượng, tỷ lệ): ……………….

*- Tỷ lệ cán bộ, GV, NV đạt lao động tiên tiến, giỏi cấp quận huyện, cấp Thành phố:* …………

**III. Tiêu chí chương trình giảng dạy**

*- Các nội dung chọn lọc, bổ sung:*

+ Tăng cường các hoạt động theo chủ đề:………..

+ Tăng cường chăm sóc cá nhân:...........

.....................................

- Tổ chức các hoạt động làm quen tiếng Anh, làm quen với máy tính ở lứa tuổi mẫu giáo (độ tuổi, thời gian, địa điểm, thời lượng...):…………..

*- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa:* Thể dục thể thao và nghệ thuật

- *Tổ chức các hoạt động tư vấn dinh dưỡng sức khỏe, tâm lý cho trẻ* (thời điểm, số lần/ năm):………………………

...........................................................................................................

*- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ* (Thời điểm, số lần/năm)……………………

**IV. Tiêu chí phương pháp giảng dạy**

- Tỷ lệ hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức đổi mới: …………………………….

- Áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại của nhà trường………………………..

- Tổ chức các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất (giáo viên dạy chuyên biệt? học tại phòng chức năng?)………………………

- Tăng cường tổ chức hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân (mức độ):……………………

- Mức độ cho trẻ tham gia các hoạt động tiếp xúc thiên nhiên và hoạt động trải nghiệm thực tiễn:………………………..

- Có hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng với học sinh, gia đình (có, không có):……………………

**V. Tiêu chí các dịch vụ chất lượng cao**

- Các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh: …………………

- Cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các điều kiện đảm bảo chất lượng:…………………….

**B. Kiểm tra hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận trường chất lượng cao của nhà trường**

1. Biên bản tự đánh giá của trường theo tiêu chí trường chất lượng cao ……………………..

2. Đề án phát triển trường chất lượng cao và Kế hoạch thực hiện …………………………….

3. Hồ sơ quản lý chỉ đạo các hoạt động của nhà trường ……………………………..

4. Hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục và kết quả đánh giá ngoài chất lượng giáo dục trường mầm non ……………………….

**C. KẾT LUẬN**

***1. Kết quả thẩm định các tiêu chí trường mầm non chất lượng cao:***

**2. Kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận trường chất lượng cao của nhà trường**

………………………………………………………………………………………………………….

Đối chiếu với các quy định cụ thể của trường chất lượng cao tại Quyết định số 20/2013/UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội; Trường mầm non ……… Đạt tiêu chí trường mầm non chất lượng cao, đủ điều kiện đề nghị Hội đồng kiểm tra thẩm định cấp Thành phố kiểm tra và đề xuất UBND Thành phố công nhận./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN**    **CHỦ TỊCH UBND quận, Nguyễn Văn A** | **THƯ KÝ** |

**Biểu mẫu 1đ: *Dùng cho thủ tục 1***

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 20…* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra thẩm định trường trung học đạt tiêu chí chất lượng cao**

Căn cứ Luật Thủ đô đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Căn cứ Quyết định số [21/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 26/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi…….giờ ……ngày …… tháng …. năm 20....

Tại:...................................................................

Đoàn kiểm tra, thẩm định trường đạt tiêu chí chất lượng cao của Sở GD&ĐT Hà Nội được thành lập theo Quyết định số …/QĐ-SGD&ĐT ngày....tháng ... năm 20... đã tiến hành kiểm tra thẩm định trường trung học đạt tiêu chí chất lượng cao

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông, bà …………………

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) ……………..

3. Các ủy viên: ……………………………….

**\* Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

1. Ông, bà ……………………

…………………………………

**A. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**I. Tiêu chí 1 - CƠ SỞ VẬT CHẤT**

1. Khuôn viên, cảnh quan, môi trường sư phạm:

- Diện tích trường: ………..m2Đạt: ………..m2/1 HS

- Diện tích sân chơi: ………m2 Đạt: ……..m2/1 HS

- Cảnh quan nhà trường:

………………………………………………………………………………………..

- Môi trường sư phạm:

2. Phòng học:

- Số lớp học……….. Số phòng học: ... Số học sinh: ……….Tỷ lệ HS/lớp:

- Diện tích phòng học: ……m2 Đạt: …….m2/1 học sinh

- Bố trí ánh sáng phòng học: ……………………………………………

- Nhiệt độ: ………………………

- Các trang thiết bị khác trong phòng học:

3. Phòng chức năng, phòng bộ môn, khu giáo dục thể chất:

- Số phòng học thực hành bộ môn: Lý, Hóa, Sinh: ……….. Diện tích ………m2

- Số bàn ghế trong mỗi phòng thực hành: ……..Đủ các trang thiết bị, vật dụng: …….

- Hiệu quả hoạt động của các phòng thực hành: Số phòng bộ môn: ……..của các môn:……………………………………………………

Hoạt động của phòng bộ môn ……………………………..

- Số phòng thí nghiệm, ĐDDH ……………………… Diện tích:………..

Đủ trang thiết bị, đồ dùng: ………… Bố trí khoa học, an toàn, vệ sinh: ……………..

- Phòng học Tin học có …….. máy, hoạt động …………………………….

- Diện tích phòng học ngoại ngữ………m2 , Có trang thiết bị:.............

- Diện tích khu giáo dục, nhà thể chất: ………..m2 Đạt: ………….m2/1 HS

- Có đủ các dụng cụ tập luyện: …………………..

4. Thư viện:

- Diện tích thư viện: ……..m2 Phòng đọc cho HS: ………m2 , cho GV: ………m2

- Hoạt động của thư viện: ………………….

- Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu: …………..

- Thư viện đạt tiêu chuẩn: …………………

5. Trang thiết bị và đồ dùng dạy học:

- Đủ trang thiết bị văn phòng: .....Số máy tính……….., máy photocopy:………….

- Số máy projecter:…………. Số lớp học có máy projecter: ………………..

- Số lớp học có ti vi LCD: ……………….

- Số lớp học được trang bị bảng tương tác thông minh:………..

- Bàn, ghế học sinh đồng bộ, đạt tiêu chuẩn: ………. số lượng/lớp: ……………

- Có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học: ……………………

- Hiệu quả sử dụng: ………………….

6. Hệ thống công nghệ thông tin và hiệu quả hoạt động:

- Có kết nối Internet: ……………. Có Website thông tin: …………

- Ứng dụng thông tin trong quản lý và dạy-học:

- Hiệu quả hoạt động: ………………………

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 1):……………………………..

**II. Tiêu chí 2 - ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN**

1. Số lượng giáo viên:

- Tổng số giáo viên toàn trường: ………. đạt tỷ lệ quy định: ……….GV/lớp.

- Hiện còn thiếu giáo viên các môn học: ………………

- Số GV dạy chéo môn: …………trong các môn học: ………….

- Số giáo viên giảng dạy chương trình nâng cao: …………..

Trình độ: đại học………. thạc sỹ:……….. tiến sỹ: ..............

2. Trình độ giáo viên:

- Tỷ lệ đạt chuẩn…………. %, tỷ lệ trên chuẩn:……… %

- Giáo viên có kinh nghiệm ứng dụng CNTT: tỷ lệ: ……… %

- Giáo viên có trình độ tin học B: tỷ lệ: …… %; Trình độ tin học A: tỷ lệ: …….. %;

- Giáo viên có khả năng giao tiếp một Ngoại ngữ: tỷ lệ: ………. %

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV Trung học: loại xuất sắc: ………. %; loại khá: …… %.

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: tỷ lệ: …….. %; cấp Thành phố: tỷ lệ: %

- Số SKKN hàng năm:.........; SKKN xếp loại cấp trường, Quận: ……. cấp TP: ………

3. Nhân viên, viên chức

- Số kế toán……...., thủ quỹ………, thư viện………, văn thư……., y tế……., nhân viên…

Trình độ đào tạo: Trung cấp:………..; Cao đẳng, Đại học: ………..

- Viên chức làm công tác thiết bị dạy học có: ……; trình độ đào tạo: CĐ: ….; ĐH: …….

4. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

- Đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: loại xuất sắc: ……………… %;

- Trình độ đào tạo cán bộ quản lý: thạc sỹ đạt tỷ lệ: ………%; trên chuẩn đạt tỷ lệ:……%.

5. Đội ngũ chuyên gia và giáo viên dạy song ngữ:

- Số chuyên gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn: trong nước: ……; ngoài nước:

Thời lượng làm việc: …………..

- Giáo viên dạy được song ngữ: môn:………; số lượng…….., đạt tỷ lệ: ………%

- Tham gia các chương trình đào tạo bồi dưỡng, tham quan học tập trong hoặc ngoài nước:

số lần/1 năm: ……….. Số người tham gia:…………… địa điểm: …….........

Hiệu quả: ………………………..

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 2): ……………….

**III. Tiêu chí 3 - CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY**

1. Chương trình dạy học nâng cao:

- Số môn có chương trình nâng cao: ……………….

- Số tiết nâng cao/1 môn……………… Số HS học chương trình nâng cao:

- Hiệu quả: ………………..

2. Chương trình dạy tiếng Anh nghe, nói với người nước ngoài:

- Số lớp: …………………; Số tiết học/1 lớp: ……………….

- Số học sinh tham gia: …………; Số giáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy:

- Hiệu quả: …………………..

3. Lớp song ngữ:

- Số lớp: ……………; các môn học song ngữ………………; số tiết học/1 lớp:

- Hiệu quả: …………………….

4. Giao lưu HS với các trường trong và ngoài nước: ……lần/1 năm học, số HS tham gia:

- Hiệu quả: ………………

5. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, nghệ thuật, kỹ năng sống: …….hoạt động/1 năm học.

- Hiệu quả: ………………..

6. Học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề:

- Số lần tiếp cận thực tế và số chuyên đề được tổ chức/1 năm học: ……, Số HS tham gia.....

- Số lần làm việc trong phòng thí nghiệm thực hành/1 lớp/1 năm học: ………………….

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 3): ………………..

**IV. Tiêu chí 4 - PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY**

1. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

2. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp dạy học mở:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

3. Tiết dạy đổi mới PPDH theo hướng dẫn của Bộ và Sở Giáo dục: đạt tỷ lệ: …………%

4. Đánh giá chung về việc sử dụng các phương pháp đặc thù:

………………………………………………………………………………………………

5. Đánh giá chung về việc đổi mới cách kiểm tra đánh giá học sinh:

………………………………………………………………………………………………

6. Đánh giá chung về thiết kế bài giảng của giáo viên:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

7. Đánh giá chung về việc giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 4): ………………………….

**IV. Tiêu chí 5 - CÁC DỊCH VỤ TRONG GIÁO DỤC**

1. Tổ chức đưa đón học sinh: ……………………………

2. Tổ chức học bán trú cho HS: …………….. Điều kiện lớp bán trú:

………………………………………………………………………………………………

3. Đánh giá của HS qua các lần đi tiếp cận thực tế, học tập chuyên đề và làm quen với phòng thínghiệm thực hành:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

4. Chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

- Học sinh giỏi cấp thành phố: …….tỷ lệ: ……%; cấp Quốc gia: …….tỷ lệ ……..%

- Học lực: tỷ lệ ………. % khá, giỏi, HS yếu, kém: tỷ lệ ……………. %

- Hạnh kiểm: tỷ lệ ………..% xếp loại khá, tốt; HS bỏ học và lưu ban:…...%

- HS đỗ tốt nghiệp trong tổng số HS tham dự kỳ thi: tỷ lệ ………%

- HS được tham gia các chương trình học kỹ năng sống, hoạt động XH: tỷ lệ %

- Kết quả giáo dục hướng nghiệp, nghề đạt:………....% khá, giỏi.

- Mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh: tỷ lệ …………… %

**Kết luận** (Đạt hoặc không đạt tiêu chí 5): …………………..

**B. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

I. Căn cứ vào kết quả kiểm tra của từng tiêu chí, Đoàn kiểm tra kết luận như sau:

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

II. **Kết luận chung:** Nhà trường đạt:…………………..; chưa đạt:.................. các tiêu chí trường trung học chất lượng cao.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG NHÀ TRƯỜNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN** | **THƯ KÝ** |

**Biểu 1e: Dùng cho thủ tục 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng    năm 20* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra, thẩm định trường mầm non đạt tiêu chí chất lượng cao**

Căn cứ Luật Thủ đô đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Căn cứ Quyết định số [21/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 26/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi….giờ…..ngày …. tháng …. năm 20....

Tại: ………………………………………………

Đoàn kiểm tra, thẩm định trường đạt tiêu chí chất lượng cao của Sở GD&ĐT Hà Nội được thành lập theo Quyết định số .../QĐ-SGD&ĐT ngày..… tháng ... năm 20... đã tiến hành kiểm tra thẩm định trường Mầm non đạt tiêu chí chất lượng cao

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông bà) ……………..

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) ………….

3. Các ủy viên:

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

**\* Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

**NỘI DUNG KIỂM TRA**

**A. Kiểm tra các tiêu chí trường chất lượng cao**

I. Kiểm tra tiêu chí cơ sở vật chất

- Tổng số điểm trường: ……………………………………………………

- Chất lượng các công trình xây dựng của nhà trường: Kiên cố………… Bán kiên cố ………… Cấp 4…………….

- Định mức trẻ trên lớp:

+ Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi: …………………

+ Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi: …………………

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: ………………………

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: …………………….

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: …………………….

- Môi trường sư phạm xanh sạch đẹp

+ Khu vui chơi thiên nhiên cho trẻ hoạt động: …………

+ Sân chơi giao thông cho trẻ hoạt động: …………….

- Phòng nhóm, lớp:

+ Điều kiện tiêu chuẩn ánh sáng học đường, không khí, nhiệt độ: …………….

+ Công trình vệ sinh, thiết bị vệ sinh theo lứa tuổi...

- Trang thiết bị phòng nhóm, lớp:

+ Thiết bị theo danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non do Bộ GD & ĐT ban hành (đủ, thiếu): ………………

+ Tính thẩm mỹ, hiện đại của trang thiết bị: …………

- Phòng chức năng:

+ Phòng hội trường, phòng máy tính, phòng tổ chức hoạt động làm quen tiếng Anh, phòng thư viện, các phòng, khu vực khác (đủ, thiếu)…………..

+ Trang thiết bị phòng chức năng: (đủ, thiếu, đồng bộ, hiện đại):………..

+ Trang thiết bị nhà bếp: (đủ, thiếu, hiện đại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm):…………

- Các phương tiện đảm bảo an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy: (đủ, thiếu, bố trí phù hợp)………………

**II. Tiêu chí đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

- Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng theo Chuẩn Hiệu trưởng:.......

- Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý:

+ Chứng chỉ QLGD:………….; QLHCNN:……………….; LLCT:……….

+ Năng lực tổ chức quản lý, chỉ đạo, tính dân chủ, đổi mới, sáng tạo của cán bộ quản lý:……………………………

+ Khả năng ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy:………………

- Giáo viên:

+ Trình độ chuyên môn trên chuẩn: ……….; Chứng chỉ tiếng Anh:………Khả năng ứng dụng CNTT………..; Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVMN:……….

- Giáo viên dạy chuyên biệt các hoạt động: Tạo hình, âm nhạc, thể chất:……….

- Bồi dưỡng hàng năm cho giáo viên về kiến thức mới, phương pháp giáo dục, tham quan học tập các điển hình tiên tiến trong nước, quốc tế: ………………..

- Nhân viên nuôi dưỡng đạt trình độ trung cấp nghề nấu ăn (số lượng, tỷ lệ):…………

- Tỷ lệ cán bộ, GV, NV đạt lao động tiên tiến, giỏi cấp quận huyện, cấp Thành phố:…………

III. Tiêu chí chương trình giảng dạy

- Các nội dung chọn lọc, bổ sung:

+ Tăng cường các hoạt động theo chủ đề:…………..

+ Tăng cường chăm sóc cá nhân:……………………..

- Tổ chức các hoạt động làm quen tiếng Anh, làm quen với máy tính ở lứa tuổi mẫu giáo (độ tuổi, thời gian, địa điểm, thời lượng...):……………

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Thể dục thể thao và nghệ thuật ...

- Tổ chức các hoạt động tư vấn dinh dưỡng sức khỏe, tâm lý cho trẻ (thời điểm, số lần/năm):…………

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ (Thời điểm, số lần/ năm)……….

**IV. Tiêu chí phương pháp giảng dạy**

- Tỷ lệ hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức đổi mới:………..

- Áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại của nhà trường……………….

- Tổ chức các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất (giáo viên dạy chuyên biệt? học tại phòng chức năng?)……………..

- Tăng cường tổ chức hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân (mức độ):...

- Mức độ cho trẻ tham gia các hoạt động tiếp xúc thiên nhiên và hoạt động trải nghiệm thực tiễn:……………….

- Có hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng với học sinh, gia đình (có, không có):……….

**V. Tiêu chí các dịch vụ chất lượng cao**

- Các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh:……………

- Cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các điều kiện đảm bảo chất lượng:………………………

**B. Kiểm tra hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận trường chất lượng cao**

1. Tờ trình, đề nghị công nhận trường đạt tiêu chí chất lượng cao

…………………………………………………………………………

2. Đề án phát triển trường chất lượng cao và Kế hoạch thực hiện

…………………………………………………………………………

3. Biên bản tự kiểm định, đánh giá trường chất lượng cao của trường………….

4. Biên bản thẩm định trường chất lượng cao của quận, huyện, thị xã …………

**KẾT LUẬN**

1. Kết quả thẩm định các tiêu chí trường mầm non chất lượng cao:

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

2. Kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận trường chất lượng cao

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

Đối chiếu với các quy định cụ thể của trường chất lượng cao tại Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội; Trường mầm non………....Đạt tiêu chí trường mầm non chất lượng cao, đủ điều kiện trình UBND Thành phố ra quyết định công nhận./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG NHÀ TRƯỜNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN** | **THƯ KÝ** |

**Biểu mẫu 3a: Dùng cho thủ tục 3.** *(dùng chung cho các cấp học).*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
| Số: ……….. | *Hà Nội, ngày    tháng    năm 20…* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị kiểm tra, thẩm định và phê duyệt chương trình giảng dạy nâng cao cấp học ……..để áp dụng đối với trường đạt tiêu chí chất lượng cao**

**Kính gửi:** Sở GD&ĐT Hà Nội.

Căn cứ Luật Thủ đô đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013;

Căn cứ Quyết định số [21/2013/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số .... ngày.... tháng ... năm 20... của UBND quận, huyện...đã tiến hành kiểm tra thẩm định chương trình giảng dạy nâng cao theo các tiêu chí quy định tại Quyết định 21/QĐ-UBND ngày …….của UBND Thành phố đối với chương trình giảng dạy của trường ………. *(có biên bản kiểm tra, thẩm định kèm theo).*

Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định chương trình, Đoàn kiểm tra, thẩm định của quận, huyện………..nhất trí kết luận: Chương trình giảng dạy nâng cao của trường……………đã đạt các tiêu chí quy định tại Quyết định số 21/QĐ-UBND của UBND Thành phố.

UBND quận, huyện... kính đề nghị Sở GD&ĐT Hà Nội, Hội đồng cấp Thành phố kiểm tra, thẩm định và ra quyết định phê duyệt chương trình giảng dạy nâng cao đối với trường…………

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Văn phòng Sở; - Phòng chuyên môn theo cấp học; - Phòng GD&ĐT quận, huyện; - Lưu VT-VP. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH** |

**Biểu mẫu 3b: Dùng cho thủ tục 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** *(quận, huyện, thị xã)* **--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
|  | *Hà Nội, ngày    tháng    năm 20…* |

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra, thẩm định chương trình giảng dạy nâng cao để áp dụng đối với các trường chất lượng cao**

Căn cứ Luật Thủ đô đã được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013;

Căn cứ Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Hồi…..giờ…..ngày…..tháng .... năm 20....

Tại: ……………………………………..

Đoàn kiểm tra, thẩm định chương trình giảng dạy nâng cao được thành lập theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày   tháng   năm   của Ủy ban nhân dân quận, huyện....đã tiến hành kiểm tra thẩm định chương trình giảng dạy nâng cao của trường ……………………

**\* Thành phần đoàn kiểm tra:**

1. Trưởng đoàn: Ông (bà) ……………………………

2. Phó trưởng đoàn: Ông (bà) ………………………

3. Các ủy viên: ……………………………..

**\* Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

1. Ông, bà …………………………………..

**A. NỘI DUNG KIỂM TRA**

Kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại Quyết định[21/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) của UBND Thành phố Hà Nội.*(Ghi nội dung cụ thể từng tiêu chí kiểm tra)*

Đối chiếu với từng tiêu chí và kết luận tiêu chí đã đạt yêu cầu hay chưa.

**B. KẾT LUẬN**

Đối chiếu với các quy định cụ thể về chương trình nâng cao được quy định tại Quyết định[21/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) ngày 24/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội, Đoàn kiểm tra thẩm định chương trình kết luận: Chương trình giảng dạy nâng cao của trường …………. đã đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại QĐ[21/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=29&lan=1) của UBND Thành phố. Kính đề nghị Hội đồng thẩm định kiểm tra và đề nghị Giám đốc ra Quyết định phê duyệt.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | **TM. ĐOÀN KIỂM TRA TRƯỞNG ĐOÀN**      **CHỦ TỊCH UBND quận, Nguyễn Văn A** | **THƯ KÝ** |